



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11736/2026/PKQ (4713.01W2606.0780)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 08/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0034	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,25	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,7	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	<0,5	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2606.0780: Trạm cấp nước sạch Pháp Vân - Vòi vào bể ngầm trường mầm non Ánh Sao

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiên

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 366

Số: 11735/2026/PKQ (4713.01W2606.0779)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 08/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0031	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,33	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,6	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	<0,5	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2606.0779: Trạm cấp nước sạch Pháp Vân - Vòi vào bể ngầm Nơ 20

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1634 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 366

Số: 11734/2026/PKQ (4713.01W2606.0778)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 08/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0047	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,37	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,4	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	<0,5	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2606.0778: Mẫu tại vòi sau bơm II - Trạm cấp nước sạch Pháp Vân

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 366

Số: 11733/2026/PKQ (4713.01W2606.0777)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 08/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0019	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,26	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,5	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	<0,5	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2606.0777: Trạm cấp nước sạch Linh Đàm - Mẫu trên đường ống Bắc Linh Đàm

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, Cầu A30, số 48 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 366

Số: 11732/2026/PKQ (4713.01W2606.0776)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 08/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0028	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,27	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	<0,5	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2606.0776: Trạm cấp nước sạch Linh Đàm - mẫu trên đường ống Bán đảo linh Đàm

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1203 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11731/2026/PKQ (4713.01W2606.0775)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 08/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0058	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,34	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,7	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	<0,5	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2606.0775: Mẫu tại vòi sau bơm II- Trạm cấp nước sạch Linh Đàm

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A39, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11730/2026/PKQ (4713.01W2606.0774)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 08/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0010	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,25	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,5	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	<0,5	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2606.0774: Trạm cấp nước sạch Định Công - Mẫu vòi vào bể ngầm Nơ14B

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11729/2026/PKQ (4713.01W2606.0773)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 08/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0007	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,3	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,4	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	<0,5	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2606.0773: Trạm cấp nước sạch Định Công - Mẫu vòi vào bể ngầm CT2 ĐN2

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiên

Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11728/2026/PKQ (4713.01W2606.0772)

VILAS 366

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 08/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0008	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,36	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,5	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	<0,5	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2606.0772: Mẫu tại vòi sau bơm II - Trạm cấp nước sạch Định Công

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiên

Nguyễn Quang Ninh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 366

Số: 11727/2026/PKQ (4713.01W2606.0771)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 08/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0011	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,25	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,3	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	<0,5	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2606.0771: Trạm cấp nước sạch Việt Hưng - Vòi vào bể ngầm Chung cư K1

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà 430, Số 88 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1634 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 366

Số: 11726/2026/PKQ (4713.01W2606.0770)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 08/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,28	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	6,8	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	<0,5	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2024/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **01W2606.0770**: Trạm cấp nước sạch Việt Hưng - Mẫu nước vòi vào bể ngầm lô P

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 366

Số: 11725/2026/PKQ (4713.01W2606.0769)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 08/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 08/06/2026 - 29/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0009	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,35	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	6,9	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	<0,5	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2024/BYT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **01W2606.0769:** Mẫu tại vòi sau bơm II - Trạm cấp nước sạch Việt Hưng

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiến

Nguyễn Quang Ninh